

Số: / BC- MNMV

Mường Vi, ngày tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO SƠ KẾT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024- 2025

Thực hiện công văn số 669/PGDDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Phòng GD&ĐT Bát Xát về việc hướng dẫn báo cáo định kỳ nhiệm vụ GDMN năm học 2024-2025;

Căn cứ vào kết quả đạt được của nhà trường trong học kỳ I, trường MN Mường Vi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học kỳ I, năm học 2024- 2025 cụ thể như sau:

Phần I. Kết quả đạt được

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục

Nhà trường còn ban hành các kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ năm học như: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường, Kế hoạch an toàn giao thông, kế hoạch an toàn thực phẩm, kế hoạch Hội đồng trường, kế hoạch phòng chống tham nhũng, kế hoạch thực hiện ba công khai, kế hoạch thực hiện các khoản thu dịch vụ hỗ trợ trực tiếp người học năm học 2024-2025.....

Nhà trường đã trực tiếp tham mưu UBND xã trong công tác tuyển sinh, tu sửa cơ sở vật chất và được chỉ đạo sát sao hoàn thành trong thời gian trước tháng 9/2024.

Nhà trường đã chủ động trang sắm bổ sung đồ dùng thiết bị thông minh phục vụ công tác hội họp (ti vi phòng họp), tham mưu phòng GD&ĐT Bát Xát trang sắm bổ sung bàn ghế, tivi cho các lớp học; vận động các nhà từ thiện ủng hộ chăn ấm, đồ dùng, thực phẩm cho học sinh.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định đối với cơ sở GDMN.

Học kỳ I nhà trường đã thực hiện được 15 cuộc kiểm tra nội bộ, trong đó tập trung chủ yếu vào việc kiểm tra chất lượng công tác bán trú, công tác xây dựng cảnh quan nhà trường và công tác dạy và học của giáo viên. Tại một số cuộc kiểm tra bán trú nhà trường đã phối hợp với sự tham gia của đại diện cha mẹ học sinh để kiểm tra chất lượng cung ứng thực phẩm và bữa ăn của trẻ được đánh giá đảm bảo theo quy định.

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tư vấn, tiếp xúc đối thoại trực tiếp với cha mẹ học sinh và nhân dân; tăng cường công tác phản biện xã hội, giải quyết những vấn đề bức xúc, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội đối với công tác giáo dục mầm non trên địa bàn xã.

2. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia:

- Tổng số trẻ hiện có của nhà trường là 126 trẻ, so với đầu năm học tăng 02 trẻ, so với thời điểm học kỳ I của năm học trước giảm 13 trẻ. So với kế hoạch giao đạt 100%.

- Tổng số nhóm, lớp: 07/ 126 trẻ, trong đó: trẻ dân tộc thiểu số 100 trẻ, nữ dân tộc 54 trẻ.

- Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp:

+ Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp đạt: 126/175 trẻ toàn xã đạt 72% so với dân số độ tuổi.

+ Trẻ nhà trẻ: 19/67 đạt 28.3% so với dân số độ tuổi, so với năm học trước giảm 4%. So với Đề án của tỉnh và của huyện chưa đạt.

+ Trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi huy động đạt 100%. Trong đó: trẻ 3 tuổi 31/31, trẻ 4 tuổi 40/40, trẻ 5 tuổi 36/36. So với chỉ tiêu kế hoạch giao đạt 100%.

-Cơ sở vật chất: Tổng số phòng học: 07 phòng/ 7 nhóm, lớp; bán kiên cố; 7/7 phòng.

- Công trình vệ sinh: Nhà trường có 8 nhà vệ sinh/ 4 điểm trường, trong đó điểm trường chính có 05 nhà vệ sinh, các điểm lẻ mỗi điểm 01 nhà vệ sinh đảm bảo cho cán bộ giáo viên và học sinh sinh sử dụng.

- Thiết bị đồ dùng đồ chơi:

+ Bộ đồ dùng tối thiểu: 07 bộ/ 07 nhóm, lớp. Riêng lớp 4 tuổi và 5 tuổi đủ 5/5 lớp (01 lớp 4 tuổi và 04 lớp 5 tuổi). So với năm học trước không tăng không giảm.

- Công tác kiểm định chất lượng, xây dựng trường chuẩn Quốc gia: Nhà trường đã kiểm tra công nhận lại và đạt năm 2021, hiện tại nhà trường duy trì đảm bảo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cấp độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh: Nhà trường đã thực hiện chi trả đầy đủ chế độ cho cán bộ giáo viên theo Nghị định 76 của chính phủ và GV dạy lớp ghép, tổng số GV được hưởng chế độ dạy lớp ghép và hưởng các chế độ theo Nghị định 76 của Chính phủ là 06 đồng chí (Kinh phí chi cho GV lớp ghép là 7.200.000đ; kinh phí chi cho GV công tác tại khu vực đặc biệt khó khăn là 184.922.000đ)

- Đối với trẻ em, học kỳ I năm học 2024-2025 được hưởng các chế độ:

+ Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP: Số học sinh được hưởng: 69 trẻ, kinh phí: 44.160. 000 đ.

+ Hỗ trợ theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC: Không.

+ Kinh phí hỗ trợ tiền ăn theo NQ số 29/2020/NQ-HĐND; Nghị quyết 09/2022/NQ-HĐND; NQ 15/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: Số đối tượng được hỗ trợ: 15 trẻ em, học sinh; kinh phí 8.160.000 đồng

+ Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP: Số đối tượng được hỗ trợ: 45 trẻ em, kinh phí 27.000.000 đồng.

Các chế độ của học sinh và giáo viên đã được thực hiện chi trả đầy đủ, công khai trước ngày 30/12/2024.

3. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; thực hiện thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ 4 tuổi, tiến tới phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi

Nhà trường tham mưu BCD công tác giáo dục và đào tạo xã tự kiểm tra rà soát, đề nghị công nhận công tác phổ cập 5 tuổi và 4 tuổi năm 2024, kết quả duy trì đảm bảo phổ cập GDMN 5 tuổi và 4 tuổi năm 2024.

***Hạn chế:** Hiện tại nhà trường còn thiếu phòng bảo vệ, điểm trường Cửa cái đã xuống cấp.

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trên địa bàn còn cao, nhất là trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi, còn 16,1% tại thời điểm tháng 12/2024.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

4.1. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, đảm bảo an toàn cho trẻ em

Phối hợp với trạm Y tế trên địa bàn xã thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em trong nhà trường; Thực hiện nghiêm túc quy định về công tác y tế trường học (Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 quy định về công tác y tế trường học), đảm bảo 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.

Quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn của trẻ tại nhà trường bảo đảm tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT về sửa đổi, bổ sung một số nội dung chương trình GDMN vào phần mềm hỗ trợ xây dựng thực đơn, khẩu phần tại cơ sở GDMN và an toàn vệ sinh thực phẩm, lưu mẫu thực phẩm theo đúng quy định. Xây dựng kế hoạch vận động cha mẹ học sinh đóng góp kinh phí để tổ chức bữa ăn phụ cho trẻ tại trường.

Tăng cường tuyên truyền đến các bậc cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối hợp lý giúp trẻ phát triển về thể chất; Phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng.

Tăng cường quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc công khai chất lượng các bữa ăn đảm bảo đúng thực đơn, đủ khẩu phần, cân đối các chất dinh dưỡng, lựa chọn

thực phẩm sạch, chế biến thực phẩm an toàn. Cam kết thực hiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong nhà trường.

Nghiêm túc triển khai thực hiện chuyên đề “*giáo dục vệ sinh, dinh dưỡng cho trẻ mầm non*”, đặc biệt đối với các hoạt động như: giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng xã hội cần thiết để hình thành nề nếp thói quen và hành vi văn minh cho trẻ; tiếp tục thực hiện việc khơi thông cống rãnh, xử lý rác thải ...

100% trẻ em đến trường được kiểm tra sức khoẻ và được theo dõi sức khoẻ bằng biểu đồ tăng trưởng, được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần.

Nhà trường tổ chức ăn 01 bữa chính và 01 bữa phụ tại trường cho trẻ.

Phối hợp với trạm y tế xã tuyên truyền tư vấn dinh dưỡng cho cha mẹ trẻ với 2 lần/ học kỳ. So với năm học trước đảm bảo duy trì.

Nhà trường duy trì việc trồng rau xanh cung cấp rau sạch tại chỗ cho trẻ đảm bảo an toàn. Số rau học kỳ 1 nhà trường đã cung cấp là: 251,2 kg rau sạch. So với năm học trước duy trì đảm bảo không tăng không giảm.

Tổng số trẻ phát triển bình thường về chiều cao: $104/124 = 83,8\%$.

Tổng số trẻ phát triển bình thường về cân nặng: $109/124 = 87,9\%$.

Cụ thể từng độ tuổi:

Trẻ 2 tuổi: Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: $02/17 = 11,7\%$ giảm 18,5% so với cùng kỳ năm trước, suy dinh dưỡng thể thấp còi: $03/17$ trẻ chiếm 17,6%. So với cùng kỳ năm trước trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân tăng 9%

Trẻ 3 tuổi: Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: $04/31$ trẻ chiếm 12,9% so với cùng kỳ năm trước giảm 2,3%, suy dinh dưỡng thể thấp còi: $07/31$ trẻ chiếm 22,5% so với cùng kỳ năm trước tăng 4,6%

Trẻ 4 tuổi: Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: $07/40$ trẻ chiếm 17,5% so với cùng kỳ năm trước tăng 5,1%, suy dinh dưỡng thể thấp còi: $07/40$ trẻ chiếm 17,5% so với cùng kỳ năm trước tăng 2,5%.

Trẻ 5 tuổi: Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: $03/36$ trẻ chiếm 8,3% so với cùng kỳ năm trước giảm 7,6%, suy dinh dưỡng thể thấp còi: $03/36$ trẻ chiếm 8,3% so với cùng kỳ năm trước giảm 15,3%.

Nguyên nhân tăng số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi tập trung chủ yếu ở trẻ 2, 3 và 4 tuổi do yếu tố di truyền.

4.2. Đổi mới hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non

Nhà trường đã tiếp tục đẩy mạnh việc phối hợp với cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc bảo đảm điều kiện thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã thực hiện phát triển chương trình phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nhà trường.

Tiếp tục thực hiện chuyên đề “*Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm*”, đẩy mạnh xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo phương châm “*học thông qua vui chơi, trải nghiệm*”.

Tham gia nhóm cụm trường số 3 **Thực hiện các chuyên đề**, tạo mọi cơ hội cho trẻ được thực hành, khám phá, trải nghiệm để phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực thông qua các hoạt động giáo dục.

Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ; hướng dẫn thực hiện lồng ghép giáo dục dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe với giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong nhà trường; tăng cường chuẩn bị cho trẻ em mầm non sẵn sàng vào lớp một. Thực hiện giáo dục bảo vệ môi trường và giáo dục về thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng, bảo vệ an toàn bản thân và môi trường sống.

Tiếp tục cho trẻ được tiếp cận với ngoại ngữ thông qua các hoạt động văn nghệ, thể dục sáng, trò chơi thông qua các hình thức trò chơi, trải nghiệm sáng tạo.

100% các lớp mẫu giáo trong nhà trường áp dụng phương pháp dạy học giáo dục Steam, mỗi tháng thực hiện 01 dự án giáo dục Steam nhằm phát huy sự sáng tạo của cô và trẻ (tính đến cuối học kỳ I đã thực hiện được 04 dự án STEAM cho trẻ). Các sản phẩm của trẻ được trưng bày tại các góc Steam trong từng lớp học nhằm tuyên truyền tới cha mẹ trẻ những hoạt động giáo dục trẻ trong nhà trường.

Cụ thể:

Hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh: 7/7 nhóm, lớp thực hiện cho trẻ tiếp cận với tiếng Anh.

Hoạt động giáo dục kỹ năng sống: 7/7 nhóm, lớp/ 124 trẻ thực hiện, so với năm học trước thực hiện duy trì đảm bảo.

Hoạt động ngoài giờ chính khóa: 7/7 nhóm, lớp.

Kết quả thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”: 4/4 điểm trường thực hiện mô hình xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, tôn tạo tu sửa cảnh quan đảm bảo, các hoạt động giáo dục đều tập trung định hướng lấy trẻ làm trung tâm.

Xây dựng mô hình cổng trường an toàn giao thông đảm bảo.

7/7 nhóm, lớp thực hiện việc áp dụng thẻ ELM vào các hoạt động giáo dục thường xuyên. 6/6 lớp mẫu giáo thực hiện phương pháp giáo dục STEAM.

Kết quả thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ vùng dân tộc thiểu số: 100% nhóm, lớp triển khai thực hiện đảm bảo, trẻ mạnh dạn, tự tin giao tiếp tiếng Việt.

5. Bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu đổi mới

*** Ưu điểm:**

Tổng số: 16 cán bộ quản lý giáo viên nhân viên, trong đó: CBNQL: 2, GV: 13, NV: 1. Nhà trường đảm bảo đội ngũ cơ bản đáp ứng được các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên:

+ Đạt chuẩn: 6/15 đạt 40%. So với năm học trước giảm 03 giáo viên chưa đạt chuẩn và 03 giáo viên đạt chuẩn.

+ Trên chuẩn: 9/15 đạt 60%. So với năm học trước tăng 03 giáo viên đạt trên chuẩn.

- Số giáo viên thiếu theo định mức biên chế giao của tỉnh: 0.
- Số giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường: 15/15=100% CBQL, GV.
- Tổng số buổi sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học: 4 buổi với tổng số người tham gia là 15 người/ lần.
- Trong học kỳ I tổ chức 01 hội thảo chuyên đề với 15 người tham gia/ lần; Tổ chức các buổi tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, công tác chuyển đổi số: 02 lần/ 15 người tham gia.

Nhà trường đã quan tâm chú trọng công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chính trị, tư tưởng đạo đức lối sống cho CBQL và giáo viên, đặc biệt quan tâm bồi dưỡng các nội dung, quan điểm đổi mới công tác quản lý, các văn bản hiện hành tổ chức thực hiện chương trình GDMN, ứng dụng CNTT. Chủ động xây dựng, sắp xếp kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho CBQL, giáo viên.

Trong năm nhà trường có 9 giáo viên đi học nâng cao trình độ từ CĐSPMN lên ĐHSPMN đáp ứng yêu cầu đổi mới của Luật Giáo dục năm 2019 mới ban hành và có 03 giáo viên đã tốt nghiệp đại học sư phạm tháng 8/2024.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với GVMN theo quy định hiện hành.

Thực hiện đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp năm 2018, từ đó có kế hoạch, chiến lược bồi dưỡng, đào tạo phù hợp.

6. Tăng cường công tác ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và công tác truyền thông trong giáo dục mầm non

- Nhà trường tích cực làm tốt công tác tuyên truyền tới cộng đồng để mua sắm đồ dùng thiết bị học tập và xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giáo dục. Vận động cha mẹ trẻ đóng góp ngày công để tu sửa cơ sở vật chất như: làm đường đi, làm sân chơi, vườn rau xanh tạo cảnh quan Sạch- xanh- đẹp trong nhà trường và nấu ăn cho trẻ tại các điểm trường.

- Tổng số ngày công phụ huynh đóng góp: 317 công lao động tôn tạo xây dựng cảnh quan của nhà trường.

Trong năm học 2024-2025 nhà trường chỉ thực hiện thu các khoản thu dịch vụ phục vụ công tác nấu ăn bán trú và thuê nhân viên nấu ăn với định mức là: Tiền thuê nhân viên nấu ăn: 60.000đ/ trẻ/ tháng; tiền ăn của trẻ: 15.000đ/ trẻ/ ngày (Các khoản thu đã được UBND huyện phê duyệt theo QĐ số 9490/ QĐ-UBND ngày 20/11/2024 của UBND huyện Bát Xát về Quyết định phê duyệt các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục trên địa bàn huyện Bát Xát, năm học 2024-2025). So với năm học trước giảm các khoản thu như: Tiền khen thưởng học sinh, bán trú, vệ sinh, trang trí lớp học.

Chỉ đạo cán bộ giáo viên nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án 117/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục đào tạo.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành. Cập nhật đầy đủ số liệu lên phần mềm tích hợp CSDL ngành; triển khai rà soát, chuẩn hóa dữ liệu ở các cấp quản lý để khai thác, sử dụng. Tăng cường sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử phù hợp với điều kiện của địa phương, nhà trường và khả năng thực hiện của giáo viên. Cho phép giáo viên được phép chọn hình thức trình bày, viết tay hoặc đánh máy khi sử dụng các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định. theo Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019.

Triển khai ứng dụng, sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý trường học, lập kế hoạch, theo dõi chỉ đạo, quản lý bán trú của các đơn vị có uy tín, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định để đảm bảo chất lượng quản lý.

Cụ thể:

- Tổng số máy tính cho CBQL, GV, NV, máy tính cho trẻ em có kết nối internet: 08 máy (bổ sung mới 06 máy).

- Số điểm trường chưa có mạng internet: 03, tỷ lệ: 75%, so với năm học trước không tăng, không giảm.

- Các phần mềm đang sử dụng: phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý bán trú, phần mềm VNEDU, phần mềm cơ sở dữ liệu ngành. So với năm học trước tăng 02 phần mềm là phần mềm quản lý bán trú và phần mềm VNEDU.

- Số trẻ được tiếp cận với tin học: 107 trẻ mẫu giáo, trong đó: tại điểm trường chính: 67 trẻ; các điểm lẻ: 40 trẻ.

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo cán bộ giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới cộng đồng về công tác giáo dục Mầm non. Tiếp tục xây dựng tầm nhìn chiến lược, sứ mệnh của nhà trường, góc tuyên truyền, tổ chức các hội thi, kêu gọi các nhà hảo tâm quan tâm giúp đỡ xây dựng cơ sở vật chất, đồ dùng cho nhà trường phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

Tổng số buổi tuyên truyền, tổ chức hội thảo về giáo dục Mầm non của nhà trường: 2 lần/ 248 lượt người tham gia.

Đánh giá công tác chuyển đổi số: nhà trường đánh giá 70 điểm đạt mức khá theo thang điểm đánh giá.

7. Các nội dung khác

- Mô hình trường học: Nhà trường tiếp tục duy trì thực hiện mô hình trường học sinh thái, tạo môi trường xanh, sạch; duy trì việc trồng rau xanh ở các điểm trường cung cấp rau tại chỗ cho bếp ăn của trẻ, chăm sóc và trông cây hoa, cây ăn quả ở khu vực trường chính đảm bảo xanh- sạch quanh năm.

- Công tác công khai theo Thông tư 09/2024/ TT- BGDĐT ngày 3/6/2024 của Bộ GD&ĐT: Nhà trường đã thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định về các nhiệm vụ công khai và triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ được biết để truy cập và giám sát.

- Công tác an toàn, an ninh, phòng chống cháy nổ được đảm bảo, nhà trường thường xuyên kiểm tra và được công an xã, công an huyện kiểm tra đánh giá đảm bảo an toàn.

- Công tác phát triển đảng: hiện tại nhà trường có 16/16 cán bộ đảng viên đạt 100%.

- Các hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ thể thao: nhà trường thực hiện thường xuyên phong trào thể thao, thành lập các đội bóng chuyền hơi, đội pickleball luyện tập các buổi chiều sau khi trả trẻ xong.

Phần II. Đánh giá chung

I. Tóm tắt kết quả nổi bật so với cùng kỳ trước

Nhà trường đã tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng môi trường giáo dục gắn với truyền thống văn hóa dân tộc của địa phương. Luôn quan tâm chú trọng đến việc giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng xã hội, tăng cường tiếng Việt cho trẻ, làm quen tiếp cận Tiếng Anh, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, áp dụng hiệu quả phương pháp giáo dục Steam trong giảng dạy.

Đã huy động được 28.3% trẻ nhà trẻ và 100% trẻ mẫu giáo trong độ tuổi ra lớp. So với năm học trước giảm 4%. So với Đề án số 06/ ĐA-TU của tỉnh và so với Đề án số 04/ ĐA- HU ngày 1/12/2020 của huyện ủy huyện Bát Xát chưa đạt.

Tích cực làm tốt công tác tham mưu các cấp để tôn tạo cảnh quan trường lớp, vận động sự tham gia của cha mẹ học sinh vào các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm của trẻ, gắn với mô hình trường học sinh thái.

Tiếp tục đổi mới hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn cụm theo hướng tích cực, đó là: sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

Tích cực thực hiện tốt các chuyên đề, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.

Đảm bảo duy trì đạt chuẩn phổ cập GDMNT5T và PCGDMNT4T trên địa bàn xã năm 2024.

100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần khi đến lớp.

II. Khó khăn, hạn chế

1. Khó khăn chủ yếu:

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở các độ tuổi cả hai thể nhẹ cân và thấp còi còn cao làm ảnh hưởng đến công tác duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN trẻ 4 tuổi.

- Điểm trường Cửa Cải đã xuống cấp đi lại khó khăn.

- Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp còn thấp, chưa đạt so với Đề án của huyện đề ra, hiện mới đạt 28.3%.

2. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế ở từng nội dung.

Một phần do tại thời điểm cân đo trẻ ốm nhiều nên ảnh hưởng đến cân nặng của trẻ. Một phần do yếu tố di truyền lại ít được quan tâm can thiệp về phát triển chiều cao nên tỷ lệ trẻ thấp còi nhiều.

Do các gia đình có con dưới 3 tuổi trên địa bàn xã không có nhu cầu gửi con đến trường.

Phần III. Nhiệm vụ trọng tâm học kỳ II và trong thời gian tiếp theo.

- Tái giảng học kỳ II
- Bồi dưỡng giáo viên và học sinh nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn toàn diện.
- Tiếp tục tuyên truyền vận động cha mẹ trẻ có con dưới 3 tuổi cho trẻ đến trường học tập để nâng cao tỷ lệ huy động.
- Chuẩn bị các điều kiện tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp huyện.
- Tiếp tục tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng phương pháp giáo dục Steam trong các hoạt động giáo dục.
- Tăng cường công tác bồi dưỡng học sinh 5 tuổi bàn giao cho trường tiểu học.
- Hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp trên kiểm tra công nhận trường học đạt tiêu chuẩn an toàn.

Phần IV. Kiến nghị, đề xuất: không.

Trên đây là báo cáo sơ kết học kỳ I, năm học 2024- 2025, trường Mầm non Mường Vi./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Bát Xát (B/c);
- Lưu VT-CM.

HIỆU TRƯỞNG

Lý Tuyết Mai

